



HỘI PHÁP LUẬT  
XÂY DỰNG VIỆT NAM  
Số: 03/2025/QĐ.CN-SCLVN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 09 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**“DANH SÁCH CÁ NHÂN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SÁT HẠCH”**  
**cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng Hạng II, Hạng III – Đợt 3/2025**  
**cho cá nhân là Hội viên Hội Pháp luật xây dựng Việt Nam**

**HỘI PHÁP LUẬT XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ;  
Căn cứ Điều lệ Hội Pháp luật xây dựng Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 295/QĐ-BNV ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;  
Căn cứ Quyết định số 579/2025/QĐ-SCLVN ngày 12 tháng 05 năm 2025 Bộ Xây dựng về việc công nhận Hội Pháp luật xây dựng Việt Nam là Tổ chức xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng;  
Căn cứ Biên bản Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề Hội Pháp luật xây dựng Việt Nam Đợt 03 năm 2025 ngày 18 tháng 09 năm 2025;  
Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề tại tờ trình số 03/2025/TTr.CN-SCLVN ngày 18 tháng 09 năm 2025 về danh sách cá nhân đủ điều kiện sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng Hạng II, Hạng III cho cá nhân là Hội viên Hội Pháp luật xây dựng Việt Nam.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố danh sách cá nhân đủ điều kiện sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng Hạng II, Hạng III Đợt 3 năm 2025 cho 74 cá nhân/91 lĩnh vực là Hội viên Hội Pháp luật xây dựng Việt Nam (danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Các cá nhân đủ điều kiện sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng Hạng II, Hạng III Đợt 3 năm 2025 được quyền dự sát hạch theo quy định, tuân thủ pháp luật hiện hành và quy trình sát hạch của Hội Pháp luật xây dựng Việt Nam.

**Điều 3.** Các ông (bà) Tổng Thư ký, Chủ tịch Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề, Văn phòng Hội Pháp luật xây dựng Việt Nam, Trung tâm Nghiên cứu, phát triển và bồi dưỡng pháp luật Xây dựng và các cá nhân có tên theo danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VP SCLVN.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Nam Trung**

**HỘI PHÁP LUẬT XÂY DỰNG VIỆT NAM**

**ĐẢNG SÁCH CÁ NHÂN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SÁT HẠCH CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG HÀNG II, HÀNG III – ĐỢT 3/2025**  
(Bao hành kèm theo Quyết định số 03/2025/QĐ.CN-SCLVN ngày 18 tháng 09 năm 2025 của Chủ tịch Hội Pháp Luật Xây dựng Việt Nam)

| Số ĐĂNG KÝ và tên    | Mã Hội viên SCLVN | Ngày sinh  | CCCD/ CMND   | Trình độ chuyên môn                                                                      | Lĩnh vực đề nghị cấp CCHN                     | Hạng |
|----------------------|-------------------|------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|------|
| 1. Nguyễn Minh Thăng | SCL41058BRV       | 22/02/1995 | 045095010175 | Kỹ sư Kỹ thuật xây dựng                                                                  | Giám sát công tác xây dựng công trình         | III  |
| 2. Trần Như Toàn     | SCL41146HCM       | 14/07/1978 | 024078000229 | Kỹ sư Công trình thủy                                                                    | Giám sát công tác xây dựng công trình         | III  |
| 3. Bùi Quang Khải    | SCL41161TIG       | 16/03/1986 | 083086017474 | Kỹ sư Hệ thống điện                                                                      | Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình | II   |
| 4. Bùi Thanh Hùng    | SCL41162BET       | 13/01/1989 | 083089012646 | Kỹ sư Kỹ thuật cơ – điện tử                                                              | Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình | III  |
| 5. Trần Văn Công     | SCL41167PHY       | 12/05/1991 | 054091012074 | Kỹ sư Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp                                                   | Giám sát công tác xây dựng công trình         | III  |
| 6. Huỳnh Phương Toàn | SCL41168KIG       | 01/07/1994 | 091094002594 | Kỹ sư ngành Kỹ thuật công trình xây dựng                                                 | Giám sát công tác xây dựng công trình         | III  |
| 7. Trần Văn Khởi     | SCL41169KIG       | 06/03/1996 | 091096005856 | Kỹ sư ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông. Chuyên ngành: Xây dựng cầu đường bộ | Giám sát công tác xây dựng công trình         | III  |
| 8. Trần Đăng Hồi     | SCL41170KIG       | 29/09/1989 | 075089014993 | Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật xây dựng công trình                                             | Giám sát công tác xây dựng công trình         | III  |
| 9. Trần Phương Nam   | SCL41174HCM       | 03/08/1982 | 052082008024 | Kiến trúc sư ngành Kiến trúc công trình                                                  | Giám sát công tác xây dựng công trình         | II   |

**HỘI PHÁP LUẬT XÂY DỰNG VIỆT NAM**

**DANH SÁCH CÁ NHÂN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẮT HẠCH CẤP CHỨNG CHỦ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG HÀNG II, HÀNG III – ĐỢT 3/2025**

(Bản hành kèm theo Quyết định số 03/2025/QĐ.CN-SCLVN ngày 18 tháng 09 năm 2025 của Chủ tịch Hội Pháp luật Xây dựng Việt Nam)

|     |                    |             |            |              |                                                      |                                       |     |
|-----|--------------------|-------------|------------|--------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------|-----|
| 10. | Huỳnh Ngọc Tiên    | SCL41180HCM | 28/08/1982 | 066082000106 | Kỹ sư ngành Kỹ thuật công trình                      | Giám sát công tác xây dựng công trình | II  |
| 11. | Nguyễn Hữu Công    | SCL41181HCM | 21/05/1979 | 051079008269 | Kiến trúc sư ngành Kiến trúc Công trình              | Giám sát công tác xây dựng công trình | II  |
| 12. | Lê Văn Sơn         | SCL51763HCM | 19/11/1969 | 036069003835 | Kỹ sư thủy Lợi ngành Công trình Thủy Lợi             | Giám sát công tác xây dựng công trình | III |
| 13. | Ngô Trung Tinh     | SCL51771HGI | 09/12/1993 | 093093008811 | Kỹ sư Kỹ thuật công trình xây dựng                   | Giám sát công tác xây dựng công trình | III |
| 14. | Vũ Hồng Văn        | SCL41173THH | 26/01/1993 | 038093017001 | Tốt nghiệp Đại học Công nghệ kỹ thuật xây dựng       | Định giá xây dựng                     | III |
| 15. | Trương Quang Trung | SCL41138HCM | 09/10/1981 | 051081003090 | Kỹ sư Xây dựng Cảng & Công trình biển                | Định giá xây dựng                     | II  |
| 16. | Nguyễn Thế Thành   | SCL41139HCM | 13/02/1982 | 031082014607 | Kỹ sư Xây dựng ngành Xây dựng Cảng - Đường thủy      | Định giá xây dựng                     | II  |
| 17. | Lê Ngọc Cường      | SCL41140HCM | 10/11/1982 | 087082021003 | Kỹ sư Xây dựng công trình thủy                       | Định giá xây dựng                     | II  |
| 18. | Bùi Xuân Phúc      | SCL41141HCM | 03/02/1981 | 030081008585 | Kỹ sư Xây dựng ngành Xây dựng Dân dụng & Công nghiệp | Định giá xây dựng                     | II  |

**HỘI PHÁP LUẬT XÂY DỰNG VIỆT NAM**

**DANH SÁCH CÁ NHÂN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SÁT HẠCH CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG HÀNG II, HÀNG III – ĐỢT 3/2025**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/2025/QĐ.CN-SCLVN ngày 18 tháng 09 năm 2025 của Chủ tịch Hội Pháp luật Xây dựng Việt Nam)

|     |                   |             |            |              |                                                      |                                               |     |
|-----|-------------------|-------------|------------|--------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|-----|
| 19. | Trương Hoàng Nam  | SCL41163TIG | 19/04/1987 | 082087017507 | Kỹ sư Kỹ thuật điện, điện tử                         | Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình | II  |
|     |                   |             |            |              | Quản lý dự án đầu tư xây dựng                        |                                               | III |
| 20. | Hà Thúc Huy       | SCL41164LAD | 02/10/1982 | 068082000329 | Kỹ sư Xây dựng Đường bộ ngành Xây dựng Cầu - Đường   | Giám sát công tác xây dựng công trình         | II  |
|     |                   |             |            |              | Quản lý dự án đầu tư xây dựng                        |                                               | II  |
| 21. | Nguyễn Văn Mỹ     | SCL41171QTR | 05/12/1993 | 045093005411 | Kỹ sư Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông        | Giám sát công tác xây dựng công trình         | II  |
|     |                   |             |            |              | Quản lý dự án đầu tư xây dựng                        |                                               | III |
| 22. | Tô Thị Hồng Nhung | SCL41203DON | 23/09/1991 | 038191026339 | Kỹ sư Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông        | Giám sát công tác xây dựng công trình         | III |
|     |                   |             |            |              | Quản lý dự án đầu tư xây dựng                        |                                               | II  |
| 23. | Nguyễn Văn Hà     | SCL51772DAL | 10/08/1988 | 040088034324 | Kỹ sư ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông  | Giám sát công tác xây dựng công trình         | II  |
|     |                   |             |            |              | Quản lý dự án đầu tư xây dựng                        |                                               | III |
| 24. | Lương Văn Minh    | SCL51722HAN | 01/05/1968 | 025068015076 | Kỹ sư Hệ thống điện ngành Điện                       | Quản lý dự án đầu tư xây dựng                 | II  |
|     |                   |             |            |              | Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình        |                                               | II  |
| 25. | Sầm Tiến Dũng     | SCL40485CAT | 11/10/1976 | 011076000023 | Kỹ sư Xây dựng ngành Xây dựng Dân Dụng & Công Nghiệp | Giám sát công tác xây dựng công trình         | II  |
| 26. | Hoàng Trọng An    | SCL41165TTH | 25/11/1987 | 046087016351 | Kỹ sư ngành Kỹ thuật xây dựng                        | Giám sát công tác xây dựng công trình         | II  |

**HỘI PHÁP LUẬT XÂY DỰNG VIỆT NAM**

**DANH SÁCH CÁ NHÂN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SÁT HẠCH CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG HÀNG II, HÀNG III – ĐỢT 3/2025**

(Bản hành kèm theo Quyết định số 03/2025/QĐ.CN-SCLVN ngày 18 tháng 09 năm 2025 của Chủ tịch Hội Pháp luật Xây dựng Việt Nam)

|     |                    |             |            |              |                                                    |                                               |     |
|-----|--------------------|-------------|------------|--------------|----------------------------------------------------|-----------------------------------------------|-----|
| 27. | Phan Hoài Chung    | SCL41166BRV | 08/04/1977 | 044077000309 | Kỹ sư Kinh tế xây dựng                             | Giám sát công tác xây dựng công trình         | II  |
| 28. | Nguyễn Văn Phi     | SCL41247HCM | 29/11/1978 | 079078009798 | Kỹ sư ngành Điện khí hóa & Cung cấp điện           | Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình | II  |
| 29. | Lương Công Thăng   | SCL41218HCM | 15/11/1983 | 054083011702 | Kỹ sư Kỹ thuật điện, Điện tử và Viễn thông         | Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình | III |
| 30. | Nguyễn Ngọc Chinh  | SCL41219BID | 20/01/1993 | 052093020561 | Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật xây dựng                  | Giám sát công tác xây dựng công trình         | III |
| 31. | Nguyễn Văn Sang    | SCL41220HCM | 23/01/1990 | 079090035302 | Kỹ sư Điện - Điện tử                               | Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình | III |
| 32. | Phạm Thanh Thọ     | SCL41134HCM | 11/11/1990 | 034090008773 | Kỹ sư Xây dựng công trình thủy                     | Định giá xây dựng                             | III |
| 33. | Đặng Bá Hưng       | SCL41135HCM | 05/01/1989 | 031089008468 | Kỹ sư Xây dựng công trình thủy                     | Định giá xây dựng                             | III |
| 34. | Nguyễn Trọng Thanh | SCL51717QNI | 03/01/1981 | 022081000400 | Kỹ sư ngành Kỹ thuật năng lượng                    | Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình | III |
| 35. | Lâm Văn Cường      | SCL51778HAN | 12/05/1974 | 030074000164 | Kỹ sư Kỹ thuật khai thác kinh tế vận tải đường sắt | Quản lý dự án đầu tư xây dựng                 | III |
|     |                    |             |            |              |                                                    | Định giá xây dựng                             | III |
| 36. | Mai Văn Thảo       | SCL41221BIT | 30/04/1993 | 060093013778 | Kỹ sư Kỹ thuật Xây dựng                            | Giám sát công tác xây dựng công trình         | III |
|     |                    |             |            |              |                                                    | Quản lý dự án đầu tư xây dựng                 | III |

**HỘI PHÁP LUẬT XÂY DỰNG VIỆT NAM**

[www.scl.org.vn](http://www.scl.org.vn) [info@scl.org.vn](mailto:info@scl.org.vn) [www.youtube.com/channel/SCLVN](https://www.youtube.com/channel/SCLVN) [www.facebook.com/scl.org.vn](https://www.facebook.com/scl.org.vn)  
[twitter.com/SCL\\_Vietnam](https://twitter.com/SCL_Vietnam) [www.linkedin.com/company/sclvn/](https://www.linkedin.com/company/sclvn/) 24 Nguyễn Cửu Vân, P.17, Q.Bình Thạnh, TP.HCM

**DANH SÁCH CÁ NHÂN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SÁT HẠCH CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG HẠNG II, HẠNG III – ĐỢT 3/2025**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/2025/QĐ.CN-SCLVN ngày 18 tháng 09 năm 2025 của Chủ tịch Hội Pháp luật Xây dựng Việt Nam)

|     |                   |             |            |              |                                                                  |                                               |     |
|-----|-------------------|-------------|------------|--------------|------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|-----|
| 37. | Bùi Quốc Dân      | SCL41223PHY | 21/10/1988 | 054088010708 | Kỹ sư Kỹ thuật công trình xây dựng                               | Giám sát công tác xây dựng công trình         | III |
| 38. | Nguyễn Xuân Thắng | SCL41224THH | 06/09/1985 | 038085010756 | Kỹ sư Kỹ thuật công trình xây dựng                               | Định giá xây dựng                             | III |
|     |                   |             |            |              |                                                                  | Giám sát công tác xây dựng công trình         | III |
| 39. | Lê Văn Quốc       | SCL41225HUE | 11/07/1989 | 046089010033 | Kỹ sư Xây dựng Dân Dụng và Công Nghiệp                           | Định giá xây dựng                             | III |
|     |                   |             |            |              |                                                                  | Giám sát công tác xây dựng công trình         | II  |
| 40. | Phạm Minh Thiện   | SCL41226BIT | 12/10/1991 | 060091017497 | Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật nhiệt-lạnh                              | Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình | III |
| 41. | Trần Thanh Dũng   | SCL41228KHH | 25/06/1982 | 091082004091 | Kỹ sư ngành Công nghiệp                                          | Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình | II  |
| 42. | Trần Văn Hà       | SCL41229BRV | 07/04/1986 | 036086005109 | Kỹ sư ngành Điện khí hóa xí nghiệp                               | Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình | III |
|     |                   |             |            |              |                                                                  | Quản lý dự án đầu tư xây dựng                 | III |
| 43. | Lê Văn Lộc        | SCL41230HCM | 19/07/1991 | 052091013545 | Kỹ sư Kỹ thuật xây dựng                                          | Giám sát công tác xây dựng công trình         | II  |
| 44. | Tô Minh Hiệp      | SCL41232THB | 18/06/1987 | 034087012351 | Kỹ sư Xây dựng ngành Xây dựng Cầu đường                          | Giám sát công tác xây dựng công trình         | III |
| 45. | Lê Phú Cường      | SCL41233KHH | 18/11/1998 | 060098008364 | Kỹ sư Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông                    | Giám sát công tác xây dựng công trình         | III |
|     |                   |             |            |              |                                                                  | Quản lý dự án đầu tư xây dựng                 | III |
| 46. | Nguyễn Văn Anh    | SCL41234HAT | 28/08/1995 | 042095016722 | Kỹ sư ngành Kỹ thuật xây dựng (Xây dựng dân dụng và công nghiệp) | Giám sát công tác xây dựng công trình         | III |

**HỘI PHÁP LUẬT XÂY DỰNG VIỆT NAM**

**DANH SÁCH CÁ NHÂN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẮT HẠCH CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG HÀNG II, HÀNG III – ĐỢT 3/2025**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/2025/QĐ.CN-SCLVN ngày 18 tháng 09 năm 2025 của Chủ tịch Hội Pháp luật Xây dựng Việt Nam)

|     |                    |             |            |              |                                                                  |                                               |     |
|-----|--------------------|-------------|------------|--------------|------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|-----|
| 47. | Nguyễn Minh Vương  | SCL41235BDG | 06/05/1994 | 074094008090 | Kỹ sư ngành Kỹ thuật xây dựng (Xây dựng dân dụng và công nghiệp) | Giám sát công tác xây dựng công trình         | III |
| 48. | Trần Văn Sơn       | SCL41236CAM | 12/12/1998 | 096098006803 | Kỹ sư Kỹ thuật xây dựng                                          | Giám sát công tác xây dựng công trình         | III |
| 49. | Nguyễn Văn Đoàn    | SCL41251HAP | 03/10/1993 | 031093003143 | Kỹ sư ngành Kỹ thuật tài nguyên nước                             | Giám sát công tác xây dựng công trình         | III |
| 50. | Ngô Minh Tâm       | SCL41252VIL | 24/06/1985 | 086085008337 | Kỹ sư ngành Kỹ thuật Công trình                                  | Giám sát công tác xây dựng công trình         | II  |
| 51. | Đoàn Hữu Trục      | SCL41253BID | 20/02/1993 | 052093006970 | Tốt nghiệp Cao đẳng Công nghệ kỹ thuật xây dựng                  | Giám sát công tác xây dựng công trình         | III |
| 52. | Thái Quế Anh       | SCL41172KIG | 03/11/1969 | 010069016062 | Kỹ sư Xây dựng ngành Xây dựng dân dụng & CN                      | Giám sát công tác xây dựng công trình         | II  |
| 53. | Huỳnh Tấn Thắng    | SCL41231BDG | 01/05/1989 | 051089009581 | Kỹ sư Xây dựng                                                   | Giám sát công tác xây dựng công trình         | II  |
| 54. | Nguyễn Xuân Trường | SCL41197HCM | 28/04/1980 | 068080005083 | Kỹ sư Điện ngành Điện công nghiệp                                | Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình | III |
| 55. | Trần Thanh Long    | SCL41198KHH | 16/02/1978 | 056078013161 | Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử                           | Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình | III |
| 56. | Chế Ngọc Vũ        | SCL41199BRV | 10/01/1994 | 077094010918 | Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử                           | Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình | III |

**HỘI PHÁP LUẬT XÂY DỰNG VIỆT NAM**

**DANH SÁCH CÁ NHÂN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẮT HẠCH CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG HẠNG II, HẠNG III – ĐỢT 3/2025**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/2025/QĐ.CN-SCLVN ngày 18 tháng 09 năm 2025 của Chủ tịch Hội Pháp luật Xây dựng Việt Nam)

|     |                   |             |            |              |                                        |                                               |     |
|-----|-------------------|-------------|------------|--------------|----------------------------------------|-----------------------------------------------|-----|
| 57. | Huỳnh Huy Hoàng   | SCL41202HCM | 01/01/1982 | 087082007049 | Kỹ sư ngành Điện - Điện tử             | Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình | III |
| 58. | Nguyễn Đức Huy    | SCL51718QNI | 19/06/1987 | 022087004634 | Kỹ sư ngành Điện - Tự động hóa XNCN    | Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình | III |
| 59. | Nguyễn Ngọc Thắng | SCL51692BAN | 10/06/1982 | 027082001517 | Kỹ sư Kinh tế xây dựng                 | Giám sát công tác xây dựng công trình         | II  |
| 60. | Bùi Quang Thắng   | SCL51694HAN | 01/01/1981 | 030081018089 | Kỹ sư Kỹ thuật điện                    | Quản lý dự án đầu tư xây dựng                 | III |
| 61. | Nguyễn Văn Sinh   | SCL51697YEB | 10/05/1984 | 015084001185 | Tốt nghiệp Đại học ngành Hệ thống điện | Quản lý dự án đầu tư xây dựng                 | III |
| 62. | Hoàng Quang Tuyền | SCL51698YEB | 04/08/1984 | 010084000703 | Kỹ sư Kỹ thuật điện                    | Quản lý dự án đầu tư xây dựng                 | III |
| 63. | Trần Thị Hà Thu   | SCL51701LAC | 01/03/1994 | 012194006006 | Kỹ sư Kinh tế xây dựng                 | Định giá xây dựng                             | III |
| 64. | Nguyễn Xuân Biển  | SCL51711LAC | 19/08/1977 | 01207700089  | Kỹ sư Điện công nghiệp và Dân dụng     | Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình | III |
| 65. | Phạm Quang Hòa    | SCL51712LAC | 20/09/1982 | 012082001153 | Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật điện điện tử  | Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình | III |
| 66. | Lê Hữu Thành      | SCL51741THB | 12/04/1988 | 034088009806 | Kỹ sư ngành Kỹ thuật điện              | Quản lý dự án đầu tư xây dựng                 | III |

**HỘI PHÁP LUẬT XÂY DỰNG VIỆT NAM**

**DANH SÁCH CÁ NHÂN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SÁT HẠCH CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG HÀNG II, HÀNG III – ĐỢT 3/2025**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/2025/QĐ.CN-SCLVN ngày 18 tháng 09 năm 2025 của Chủ tịch Hội Pháp luật Xây dựng Việt Nam)

|     |                  |             |            |              |                                                        |                                               |     |
|-----|------------------|-------------|------------|--------------|--------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|-----|
| 67. | Nguyễn Thanh Sơn | SCL51742THB | 13/10/1996 | 034096002861 | Kỹ sư ngành Công nghệ<br>Kỹ thuật điện, điện tử        | Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình | III |
| 68. | Phạm Hồng Dương  | SCL51693BAN | 20/09/1974 | 010074000335 | Kỹ sư Hệ thống điện<br>ngành Điện                      | Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình | II  |
|     |                  |             |            |              |                                                        | Quản lý dự án đầu tư xây dựng                 | II  |
| 69. | Trịnh Cao Cường  | SCL51687HAN | 10/10/1980 | 040080000103 | Kỹ sư Kỹ thuật điện<br>(Chuyên ngành Hệ thống<br>điện) | Quản lý dự án đầu tư xây dựng                 | II  |
| 70. | Phùng Kim Đại    | SCL51685HAN | 07/11/1970 | 001070006941 | Kỹ sư Hệ thống điện<br>ngành Điện                      | Quản lý dự án đầu tư xây dựng                 | II  |
| 71. | Hoàng Đình Duân  | SCL51686HAN | 29/10/1976 | 040076000485 | Kỹ sư Hệ thống Điện<br>ngành Điện                      | Quản lý dự án đầu tư xây dựng                 | II  |
| 72. | Nguyễn Hồng Việt | SCL51700LAC | 29/02/1980 | 014080003173 | Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật<br>điện, điện tử              | Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình | II  |
|     |                  |             |            |              |                                                        | Định giá xây dựng                             | III |
| 73. | Vũ Đức Long      | SCL51754VIP | 17/11/1980 | 026080004229 | Kỹ sư Điều khiển học kỹ<br>thuật                       | Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình | II  |
|     |                  |             |            |              |                                                        | Quản lý dự án đầu tư xây dựng                 | III |
| 74. | Nguyễn Tha Thiết | SCL51755HAN | 02/08/1979 | 001079005315 | Kỹ sư Hệ thống điện<br>ngành Điện                      | Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình | II  |
|     |                  |             |            |              |                                                        | Quản lý dự án đầu tư xây dựng                 | III |

**HỘI PHÁP LUẬT XÂY DỰNG VIỆT NAM**

VIỆT NAM